

Bản án số: 1000/2024/DS-ST

Ngày: 06/9/2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Đăng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huỳnh

Ông Lữ Hà Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Nam Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 587/2024/TLST-DS ngày 27/5/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2024/QĐXXST-DS ngày 17/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2024/QĐST-DS ngày 09/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1962

Thường trú: D L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

(có mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Thị Bích D, sinh năm 1963

Thường trú: D H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay; nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà Lê Thị H có cho bà Lê Thị Bích D vay tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 01/5/2023, bà D vay số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 15/5/2023, bà D vay số tiền 30.000.000 đồng.
- Ngày 29/5/2023, bà D vay số tiền 20.000.000 đồng.

Lãi suất 4%, thời hạn vay 12 tháng. Số tiền bà H cho vay là tiền cá nhân của bà H, không liên quan đến ai. Thực tế từ khi cho vay đến nay, bà D chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nợ gốc và tiền lãi nào. Việc vay tiền này có bà Nguyễn Thị Kim H1 và ông Lê Hoàng Tuấn A làm chứng.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà D trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu bà D trả tiền lãi phát sinh từ khoản vay trên.

** Bị đơn bà Lê Thị Bích D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bà D vắng mặt không có lý do.*

** Tại phiên tòa hôm nay, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung thêm chứng cứ nào khác.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, bà H khởi kiện yêu cầu bà D trả số tiền vay phát sinh từ hợp đồng vay tiền ngày 01/5/2023. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà Lê Thị Bích D có đăng ký thường trú D H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng:

Theo kết quả xác minh của Công an P, quận P, bà Lê Thị Bích D có đăng ký thường trú nhưng không thực tế cư trú tại địa chỉ số D H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện không rõ nơi tạm trú.

Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ triệu tập bà D để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm. Nhưng tại phiên tòa hôm nay nhưng D vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà D.

[3] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, bà D không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Theo xác minh Ủy ban nhân dân Phường A1, từ năm 1986 đến nay không tìm thấy tên của bà Lê Thị Bích D trong sổ bộ đăng ký kết hôn. Ủy ban cung cấp trích sao bản án dân sự số 821/HNST ngày 29/4/2004 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa bà Lê Thị Bích D và ông Hồ Nhật T về việc ly hôn.

Theo hợp đồng vay tiền ngày 01/5/2023, bà D vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng. Theo trình bày của bà H kể từ khi nhận tiền vay đến nay, bà D chưa trả tiền nợ gốc và lãi.

Và lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim H1 và ông Lê Hoàng Tuấn A, là những người làm chứng đã ký tên vào hợp đồng vay tiền đang tranh chấp, đều xác nhận bà D vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy đã hết thời hạn vay mà bà D chưa trả tiền cho bà H theo thỏa thuận. Như vậy bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Căn cứ Điều Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Bà H không yêu cầu bà D trả tiền lãi phát sinh từ số tiền vay phát sinh từ hợp đồng vay tiền ngày 01/5/2023, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo Luật Người cao tuổi và Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà D thuộc trường hợp được miễn án phí. Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án bà D không có đơn xin miễn án phí.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng.

Bà H không phải chịu án phí sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 5, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Bà Lê Thị Bích D có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị H số tiền vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) phát sinh từ hợp đồng vay tiền ngày 01/5/2023.

2. Án phí dân sự sơ thẩm

Bà Lê Thị Bích D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Lê Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Bích D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- VKSND Q.PN;
- Chi cục THA DS Q.PN;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Đăng Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa